

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-PT
Ngày 29-12-2022
V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Kiện đòi tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 59/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Q; địa chỉ: Tổ 03, thôn 08, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – *Có mặt.*

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Khương Ngọc U - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV VQ; địa chỉ: Số 02/100 VT, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thủy điện Đ; địa chỉ: Số 88 đường LD, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T; địa chỉ: Văn phòng Luật sư H, tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 02-3-2021*) – *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Đ; địa chỉ: Tổ 03, thôn 08, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Đ: Ông Ngô Văn Q; địa chỉ: Tổ 03, thôn 08, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (*theo văn bản ủy quyền ngày*

22-10-2019) – Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: Phòng 9/13 Chung cư A, phường A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh – *Vắng mặt*.

3. Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Số 135/19 ĐPP, phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – *Vắng mặt*.

4. Ông Trần Hữu N; địa chỉ: Số 354/54 THĐ, phường C, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh – *Vắng mặt*.

5. Bà Phan Thị K; địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt*.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Ngô Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-11-2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn Q (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Đ) trình bày:

Ông có tài sản thuộc diện giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thủy điện Đ. Công ty Cổ phần Thủy điện Đ (*viết tắt là Công ty*) không làm thủ tục bồi thường trước lúc chặn dòng nên ngày 11-3-2009, ông phải làm đơn xin tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng, nhận tại Ngân hàng W Đắk Nông (*viết tắt là Ngân hàng*).

Ngày 21-5-2009, ông tiếp tục làm đơn xin tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng. Ông Nguyễn Công Kh là Tổng Giám đốc Công ty chỉ duyệt cho ông tạm ứng 50.000.000 đồng và nói tiền thanh toán bồi thường phải nhận tại Ngân hàng, Công ty chỉ cho mượn, khi nào có quyết định bồi thường thì trả lại cho Công ty.

Ngày 25-02-2010, Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số: 260/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thủy điện Đ (*viết tắt là Quyết định số: 260/QĐ-UBND*), theo đó, Công ty phải chi trả bồi thường cho ông số tiền 1.586.921.000 đồng trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông báo hoặc niêm yết. Do Ban đền bù và Công ty không gửi quyết định cho ông, ông chưa biết đã có quyết định bồi thường nên ngày 13-5-2010, ông vẫn làm đơn xin tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 08-6-2010, ông mới biết có quyết định bồi thường. Ông đã đến Công ty yêu cầu được nhận đủ số tiền còn lại nhưng ông Nguyễn Văn H chỉ lập phiếu chi số tiền 550.000.000 đồng. Ông thấy ghi ngày 30-3-2010 nên không ký, ông H nói do ông nằm viện lâu phải ghi lùi thời gian để hợp thức hóa nên ông đồng ý ký. Tuy nhiên, khi đưa cho ông Nguyễn Văn M (*Kế toán trưởng*) thì ông M không ký và ông H giải thích phiếu chi này chỉ là tổng hợp các lần ông đã nhận tiền, sau đó lập giấy lĩnh số tiền 300.000.000 đồng cho ông mang đi Ngân hàng nhận tiền, bỏ lại tờ phiếu liên 01 và liên 02 chưa xé ra.

Ngày 17-11-2010, ông nhận số tiền 219.536.000 đồng.

Ngày 04-01-2011, ông nhận số tiền 317.385.000 đồng.

Tổng số tiền ông đã nhận là 1.286.921.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng Công ty cho rằng ngày 30-3-2010 ông đã nhận tại Công ty là không đúng, không có việc ông ký phiếu chi tiền mặt số tiền 300.000.000 đồng hoặc ký sổ quỹ lưu tại Công ty, vì khi có Quyết định số: 260/2007/QĐ-UBND, Công ty không niêm yết công khai, không có giấy mời hoặc thông báo cho ông thì không có việc ông

biết mà nhận tiền. Việc Công ty cho rằng đến ngày 04-01-2011 đã trả dư cho ông nên truy thu số tiền 250.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải thanh toán cho ông số tiền bồi thường còn lại là 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Thủy điện Đ trình bày:

Theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND, hộ ông Q được bồi thường tổng số tiền 1.586.921.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, ông Q đã nhận đủ số tiền bồi thường, cụ thể:

- Ngày 10-3-2009, ông Q làm đơn xin tạm ứng 400.000.000 đồng. Do chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường nên Công ty chỉ duyệt cho tạm ứng 200.000.000 đồng. Ngày 11-3-2009, Công ty lập phiếu chi tiền mặt chi tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng, nhận tiền tại Ngân hàng.

- Ngày 14-5-2009, ông Q tiếp tục làm đơn xin tạm ứng 200.000.000 đồng. Ngày 21-5-2009, Ban lãnh đạo Công ty duyệt cho ông Q tạm ứng 50.000.000 đồng, nhận tiền mặt tại Công ty.

Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, nguồn vốn xây dựng dự án và công tác đền bù đều vay của Ngân hàng. Trong thời gian chờ nguồn tiền từ Ngân hàng, Công ty đã chi trả tiền cho ông Q nhiều đợt theo các phiếu chi sau:

- Ngày 30-3-2010, Công ty lập phiếu chi 550.000.000 đồng để chi trực tiếp tiền mặt cho ông Q. Do trước đây ông Q đã tạm ứng 02 lần và có làm phiếu chi tạm ứng số tiền 250.000.000 đồng nên Công ty lập thêm phiếu thu 250.000.000 đồng, số tiền tại phiếu chi 550.000.000 đồng sẽ trừ số tiền tạm ứng 250.000.000 đồng mà ông Q đã nhận, còn lại ông Q nhận 300.000.000 tiền mặt tại Công ty.

- Phiếu chi ngày 13-5-2010 số tiền 200.000.000 đồng.

- Phiếu chi ngày 08-6-2010 số tiền 300.000.000 đồng.

- Phiếu chi ngày 17-11-2010 số tiền 219.536.000 đồng.

- Phiếu chi ngày 04-01-2011 số tiền 317.385.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty đã chi theo các phiếu chi cho ông Q là 1.836.921.000 đồng; thu lại từ chi tạm ứng 250.000.000 đồng; tổng số tiền còn lại ông Q thực nhận là 1.586.921.000 đồng.

Đối với phiếu chi số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng vào ngày 13-5-2010, lẽ ra sau khi có quyết định bồi thường thì nội dung ghi trong phiếu chi phải là chi tiền đền bù, do sai sót nên nhân viên ghi nhầm là “*tạm ứng bồi thường*”, tuy nhiên thực tế Ngân hàng đã chi và ông Q đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Q, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Ông Nguyễn Văn H:** Ông được giao nhiệm vụ lập các phiếu thu, chi liên quan đến công tác đền bù theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND. Ngày 30-3-2010, ông Q đến Công ty để nhận tiền bồi thường. Được sự chỉ đạo của ông Trần Hữu

N (*Tổng Giám đốc*), Công ty giải quyết chi trả tiền đợt 01 cho ông Q số tiền 550.000.000 đồng và thu hồi số tiền 250.000.000 đồng đã tạm ứng vào các ngày 11-3-2009, 21-5-2009. Ông đã lập Phiếu chi tiền mặt số: PC167/2010 ngày 30-3-2010 số tiền 550.000.000 đồng gồm 02 liên, liên 01 lưu tại phòng kế toán, liên 02 giao cho khách hàng. Đồng thời lập Phiếu thu tiền mặt số: PT19/2010 ngày 30-3-2010 số tiền 250.000.000 đồng gồm 02 liên, liên 01 lưu tại phòng kế toán, liên 02 giao cho khách hàng. Sau khi in phiếu chi và phiếu thu, ông trình ông Tiến ký và giao lại cho bà Phan Thị K - Thủ quỹ Công ty (*tại thời điểm ông Q đến Công ty nhận tiền không có mặt ông Nguyễn Văn M - Kế toán trưởng*).

- **Bà Phan Thị K:** Ngày 30-3-2010, ông Q đến Công ty để nhận tiền bồi thường theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND. Ông N chỉ đạo phòng kế toán lập phiếu chi tiền mặt cho ông Q số tiền 550.000.000 đồng và lập phiếu thu tiền mặt số tiền 250.000.000 đồng. Ông H là người lập phiếu thu - chi, trình Kế toán trưởng và Tổng Giám đốc ký. Do ngày 30-3-2010 ông M là Kế toán trưởng không có mặt nên thiếu chữ ký của ông M. Ông N đã chỉ đạo bà chi tiền cho ông Q và nói chữ ký Kế toán trưởng sẽ bổ sung sau (*mục đích linh hoạt, tạo điều kiện cho ông Q không phải đi lại nhiều lần*). Do đó, bà đã đưa phiếu chi và phiếu thu cho ông Q ký. Trước khi ông Q nhận tiền, bà có giải thích số tiền ông Q được nhận sẽ trừ đi số tiền 250.000.000 đồng đã tạm ứng trước đó và giao cho ông Q số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Bà cắt liên 02 giao cho ông Q nên ông Q giữ liên 02 của phiếu chi và phiếu thu ngày 30-3-2010 không có chữ ký của ông M. Sau đó ông M có mặt tại Công ty, bà đã trình phiếu chi và phiếu thu cho ông M ký để lưu hồ sơ.

- **Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ nhưng ông Nguyễn Văn M và ông Trần Hữu N đều vắng mặt nên không thu thập được lời khai.**

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 12-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 166, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán số tiền đền bù còn thiếu theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010 của UBND tỉnh Đắk Nông là 300.000.000 đồng và tiền lãi suất trả chậm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-8-2022, nguyên đơn ông Ngô Văn Q kháng cáo đề nghị hủy Biên bản giao trả tiền; hủy phiếu chi 550.000.000 đồng và phiếu thu 250.000.000 đồng đề ngày 30-3-2010; buộc Công ty Đ phải chi trả số tiền còn thiếu 300.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả kể từ ngày 05-4-2010 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Ngô Văn Q nộp trong thời hạn luật định, ông Quýnh là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

- Đối với kháng cáo đề nghị hủy biên bản giao trả tiền; hủy phiếu chi số tiền 550.000.000 đồng và phiếu thu số tiền 250.000.000 đồng đề ngày 30-3-2010: Tại giai đoạn sơ thẩm ông Q không khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Do đó, căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo này của ông Q.

- Tại phiên tòa, ông Q đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập ông Trần Hữu N là Tổng giám đốc thời điểm năm 2010 để làm rõ có việc chi tiền hay không là không cần thiết, bởi lẽ các chứng từ chi, thu đều có chữ ký của ông N và đóng dấu của Công ty.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thủy điện Đ thì ông Q được bồi thường số tiền 1.586.921.000 đồng. Ông Q thừa nhận đã nhận số tiền 1.286.921.000 đồng, cụ thể: Số tiền nhận tạm ứng là 250.000.000 đồng (*trong đó, ngày 11-3-2019 nhận 200.000.000 đồng; ngày 21-5-2009 nhận 50.000.000 đồng*); ngày 08-6-2010 nhận 300.000.000 đồng; ngày 17-11-2010 nhận 219.536.000 đồng; ngày 04-01-2011 nhận 317.385.000 đồng. Lời khai này phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của Công ty và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2]. Xét số tiền 300.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Q thì thấy: Tài liệu, chứng cứ thể hiện ngày 30-3-2010 Công ty lập phiếu chi số tiền 550.000.000 đồng và phiếu thu số tiền 250.000.000 đồng có chữ ký của ông Q. Về mặt thứ tự thời gian thì chứng từ chi, thu ngày 30-3-2010 là lần chi trả đầu tiên của Công ty cho ông Q kể từ khi có Quyết định số: 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010 (*trừ khoản tiền tạm ứng 250.000.000 đồng*). Phiếu chi ngày 04-01-2011 nhận 317.385.000 đồng là phiếu chi cuối cùng, có nội dung đã chi đủ tiền bồi thường. Ông Q thừa nhận chữ ký trong phiếu chi, thu này là chữ ký của ông nhưng ông cho rằng Công ty đã lập không, trên thực tế Công ty không chi, thu số tiền này cho ông. Để chứng minh cho vấn đề này ông Q cho rằng: Thứ nhất, không có chữ ký của ông trong sổ chi tiền mặt của Công ty; thứ hai, Công ty phải chi trả cho ông nhận 550.000.000 đồng thì ông mới trả lại cho Công ty 250.000.000 đồng đã tạm ứng. Xét thấy việc ông Q cho rằng ông không ký vào sổ chi tiền mặt nên cho rằng ông chưa nhận tiền là không có căn cứ. Bởi, thực tế

các lần nhận tiền ông Q không ký vào sổ chi tiền mặt và tài liệu, chứng từ Công ty cung cấp thì ngoài việc chi trả tiền cho ông Q, Công ty còn chi trả tiền cho các hộ khác cũng đều chỉ ký vào các phiếu chi, Công ty không lập sổ chi tiền mặt. Về nguyên tắc thu tiền tạm ứng, phía Công ty yêu cầu người nhận tiền phải ký vào phiếu chi, thu đồng thời Công ty tự khấu trừ số tiền đã tạm ứng, sau đó chi số tiền còn lại cho ông Q là phù hợp với thực tế. Mặt khác, trước khi khởi kiện, ông Q đã có đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, theo Báo cáo số: 83/BCSK-PC46 ngày 20-3-2018 của Cơ quan Cảnh Sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận không có việc Công ty chi, thu không để chiếm đoạt của ông Quỳnh số tiền 300.000.000 đồng.

Như vậy, các chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định Công ty đã chi trả đủ số tiền bồi thường cho ông Q là 1.586.921.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp phúc thẩm ông Q không cung cấp thêm chứng cứ gì khác để làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm nên kháng cáo của ông Q không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do ông Q là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn Q, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 12-8-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Q về việc buộc Công ty Cổ phần Thủy điện Đ phải thanh toán số tiền đền bù còn thiếu theo Quyết định số: 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thủy điện Đ là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả.

2. Về án phí:

2.1. Ông Ngô Văn Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông Ngô Văn Q số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số C ngày 04-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G (*nay là thành phố G*), tỉnh Đắk Nông.

2.2. Ông Ngô Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng